

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 5)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 331/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 394/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 3);

Căn cứ Nghị quyết số 427/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 4);

Căn cứ Nghị quyết số 529/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 4);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3917/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 5) và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 do tỉnh quản lý (đợt 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 5), với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

a) Điều chỉnh vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất

- Số vốn đã phê duyệt tại Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Điều chỉnh từ 23.465 tỷ đồng lên 32.673,25 tỷ đồng (tăng 9.208,25 tỷ đồng), trong đó:

+ Vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã: Điều chỉnh từ 12.791,75 tỷ đồng lên 22.000 tỷ đồng (tăng 9.208,25 tỷ đồng), trong đó: giai đoạn 2021 - 2024 là 17.000 tỷ đồng theo số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm và dự kiến năm 2025 là 5.000 tỷ đồng.

+ Vốn điều tiết về ngân sách cấp tỉnh: Giữ nguyên như số vốn đã được phê duyệt tại Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh là 10.673,25 tỷ đồng (bao gồm cả 500 tỷ đồng đã bố trí nhiệm vụ chi bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý để thực hiện ghi thu - ghi chi năm 2021).

- Bổ sung vốn cho nhiệm vụ chi bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý để thực hiện ghi thu - ghi chi: 3.159,18 tỷ đồng (trong đó: giai đoạn 2022 - 2024 là 1.935,551 tỷ đồng theo đúng số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm và dự kiến năm 2025 là 1.223,629 tỷ đồng).

b) Điều chỉnh vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương

Điều chỉnh từ 223,5 tỷ đồng lên 693,1 tỷ đồng (tăng 469,6 tỷ đồng) bằng đúng số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2024.

c) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021, điều chỉnh tăng từ 42.001,063 tỷ đồng lên 54.838,093 tỷ đồng (tăng 12.837,03 tỷ đồng); trong đó, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh từ 31.795,1 tỷ đồng lên 44.632,13 tỷ đồng (tăng 12.837,03 tỷ đồng).

(Chi tiết có Phụ lục I và các Phụ biểu kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 đã giao trong nội bộ giữa các dự án, làm thay đổi mức vốn của các dự án

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh giảm là 429,945 tỷ đồng, trong đó: 166,791 tỷ đồng vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh của 05 dự án; 48 tỷ đồng vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết của 04 nhiệm vụ, dự án; 215,154 tỷ đồng vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước của 21 nhiệm vụ, dự án.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch

Số vốn điều chỉnh giảm nêu trên (429,945 tỷ đồng), bố trí cho 21 dự án; trong đó:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh 166,791 tỷ đồng, bố trí cho 06 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

+ Bố trí 20 tỷ đồng cho 01 dự án đến nay đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt.

+ Bố trí 41,791 tỷ đồng cho 04 dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách cấp huyện mà cấp huyện đã tích cực bố trí phần vốn đối ứng của huyện, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025, cần bổ sung vốn đối ứng.

+ Bố trí 105 tỷ đồng cho 01 dự án cấp thiết để bảo đảm ổn định trật tự, an toàn xã hội của địa phương (Dự án đầu tư xây dựng các trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (giai đoạn 1)).

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 48 tỷ đồng, bố trí cho 03 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc lĩnh vực y tế công lập đã quyết định chủ trương đầu tư.

- Vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước 215,154 tỷ đồng, bố trí cho 12 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

+ Bố trí 0,443 tỷ đồng cho 01 dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt.

+ Bố trí 2,499 tỷ đồng cho 01 dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt.

+ Bố trí 212,212 tỷ đồng cho 10 dự án đang triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2022-2025.

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhưng không làm thay đổi mức vốn của các dự án

a) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất

Điều chỉnh giảm một phần vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 là 100 tỷ đồng của Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hợp đồng BOT, tỉnh Thanh Hóa để bố trí sang cho Dự án xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước

Điều chỉnh giảm toàn bộ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước giai đoạn 2021 - 2025 là 100 tỷ đồng của Dự án xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 để bố trí sang cho Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hợp đồng BOT, tỉnh Thanh Hóa.

(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của từng dự án cho các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các dự án được phê duyệt và căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của các dự án nêu trên, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định.

c) Đối với dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư (Dự án Đầu tư xây dựng các trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (giai đoạn 1)): Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và căn cứ quy định của pháp luật, xây dựng phương án phân bổ chi tiết báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước khi giao kế hoạch cho chủ đầu tư theo quy định.

2. Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công của các dự án theo quy định.

3. Kho Bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mức vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, mức vốn hằng năm và mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục và mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được thông báo, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; hằng năm căn cứ mức vốn, mục tiêu đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục I: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt	Số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	42.001.063		12.837.030	54.838.093	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	31.795.100		12.837.030	44.632.130	
I	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh	23.465.000		9.208.250	32.673.250	
I.1	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	12.791.750		9.208.250	22.000.000	Chi tiết có Phụ biểu số 01.
I.2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh (số vốn còn lại để tỉnh phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án)	10.673.250			10.673.250	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý để thực hiện ghi thu - ghi chi	500.000			500.000	
II	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	223.500		469.600	693.100	Chi tiết có Phụ biểu số 02
III	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất bổ sung thêm để phân bổ cho chi bồi thường GPMB và đầu tư hạ tầng đối với các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý để thực hiện ghi thu - ghi chi			3.159.180	3.159.180	
IV	Vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước	7.986.600			7.986.600	
V	Vốn đầu tư từ nguồn số số kiên thiết	120.000			120.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	10.205.963			10.205.963	
I	Vốn trong nước	7.707.066			7.707.066	
II	Vốn nước ngoài	2.498.897			2.498.897	

**Phụ biểu số 01: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**
(Kèm theo Quyết định số **2570/QĐ-UBND** ngày **20** tháng **6** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	Trong đó:					Dự kiến năm 2025	Ghi chú
			Số vốn năm 2021 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2022 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2023 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2024 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	TỔNG SỐ	22.000.000	4.000.000	3.500.000	4.500.000	5.000.000	5.000.000	Giai đoạn 2021-2024 theo số liệu đã được HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao, năm 2025 theo số liệu dự kiến.	
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>22.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.500.000</i>	<i>4.500.000</i>	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>		
1	TP Thanh Hóa	3.691.500	398.500	675.000	750.000	934.000	934.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>3.691.500</i>	<i>398.500</i>	<i>675.000</i>	<i>750.000</i>	<i>934.000</i>	<i>934.000</i>		
2	TP Sầm Sơn	1.101.000	110.000	165.000	286.000	270.000	270.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>1.101.000</i>	<i>110.000</i>	<i>165.000</i>	<i>286.000</i>	<i>270.000</i>	<i>270.000</i>		
3	TX Bim Sơn	226.500	26.500	25.000	35.000	70.000	70.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>226.500</i>	<i>26.500</i>	<i>25.000</i>	<i>35.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>		
4	TX Nghi Sơn	1.888.700	245.000	213.700	430.000	500.000	500.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>1.888.700</i>	<i>245.000</i>	<i>213.700</i>	<i>430.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>		
5	Huyện Hà Trung	838.000	126.000	77.000	255.000	190.000	190.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>838.000</i>	<i>126.000</i>	<i>77.000</i>	<i>255.000</i>	<i>190.000</i>	<i>190.000</i>		
6	Huyện Nga Sơn	842.500	340.000	202.500	160.000	70.000	70.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>842.500</i>	<i>340.000</i>	<i>202.500</i>	<i>160.000</i>	<i>70.000</i>	<i>70.000</i>		
7	Huyện Hậu Lộc	879.250	270.000	179.250	170.000	130.000	130.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>879.250</i>	<i>270.000</i>	<i>179.250</i>	<i>170.000</i>	<i>130.000</i>	<i>130.000</i>		
8	Huyện Hoằng Hóa	2.188.000	490.000	310.000	388.000	500.000	500.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>2.188.000</i>	<i>490.000</i>	<i>310.000</i>	<i>388.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>		
9	Huyện Quảng Xương	2.349.750	345.000	274.750	370.000	680.000	680.000		
-	<i>Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã</i>	<i>2.349.750</i>	<i>345.000</i>	<i>274.750</i>	<i>370.000</i>	<i>680.000</i>	<i>680.000</i>		

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	Trong đó:					Dự kiến năm 2025	Ghi chú
			Số vốn năm 2021 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2022 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2023 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2024 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
10	Huyện Nông Công	721.200	180.000	141.200	140.000	130.000	130.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	721.200	180.000	141.200	140.000	130.000	130.000		
11	Huyện Đông Sơn	1.883.500	175.000	332.500	490.000	443.000	443.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	1.883.500	175.000	332.500	490.000	443.000	443.000		
12	Huyện Triệu Sơn	996.000	250.000	176.000	150.000	210.000	210.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	996.000	250.000	176.000	150.000	210.000	210.000		
13	Huyện Thọ Xuân	986.500	220.000	136.500	200.000	215.000	215.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	986.500	220.000	136.500	200.000	215.000	215.000		
14	Huyện Yên Định	834.010	245.000	169.010	130.000	145.000	145.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	834.010	245.000	169.010	130.000	145.000	145.000		
15	Huyện Thiệu Hóa	856.000	212.000	154.000	220.000	135.000	135.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	856.000	212.000	154.000	220.000	135.000	135.000		
16	Huyện Vĩnh Lộc	447.750	135.000	57.750	75.000	90.000	90.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	447.750	135.000	57.750	75.000	90.000	90.000		
17	Huyện Thạch Thành	285.500	40.000	36.000	61.500	74.000	74.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	285.500	40.000	36.000	61.500	74.000	74.000		
18	Huyện Cẩm Thủy	185.640	50.000	49.440	21.000	32.600	32.600		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	185.640	50.000	49.440	21.000	32.600	32.600		
19	Huyện Ngọc Lặc	112.900	25.000	20.400	21.500	23.000	23.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	112.900	25.000	20.400	21.500	23.000	23.000		
20	Huyện Như Thanh	328.000	60.000	48.000	72.000	74.000	74.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	328.000	60.000	48.000	72.000	74.000	74.000		
21	Huyện Lang Chánh	2.500		1.000	500	500	500		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	2.500		1.000	500	500	500		

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	Trong đó:					Dự kiến năm 2025	Ghi chú
			Số vốn năm 2021 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2022 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2023 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao	Số vốn năm 2024 đã được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
22	Huyện Bá Thước	22.000	6.000	5.000	5.000	3.000	3.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	22.000	6.000	5.000	5.000	3.000	3.000		
23	Huyện Quan Hóa	5.400		500	3.700	600	600		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	5.400		500	3.700	600	600		
24	Huyện Thường Xuân	130.000	20.000	20.000	30.000	30.000	30.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	130.000	20.000	20.000	30.000	30.000	30.000		
25	Huyện Như Xuân	196.000	31.000	30.000	35.000	50.000	50.000		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	196.000	31.000	30.000	35.000	50.000	50.000		
26	Huyện Mường Lát	600		200	300	50	50		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	600		200	300	50	50		
27	Huyện Quan Sơn	1.300		300	500	250	250		
-	Số vốn điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã	1.300		300	500	250	250		

Phụ biểu số 02: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2024
(Kèm theo Quyết định số **2570/QĐ-UBND** ngày **20** tháng **6** năm **2024** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư								Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu tư dự án đến hết năm 2020								Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2024				Chủ đầu tư	Chi chủ		
			Trong đó:								Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài				Trong đó:							
			Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài		Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			Năm 2024	
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Vay lại	Tổng số	Vay lại	Tổng số	Vay lại	Tổng số	Vay lại										
				NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh									NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh	NSTW	Ngân sách tỉnh			NSTW	Ngân sách tỉnh
			Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt											
Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW		Đưa vào cân đối NSTW														
Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại		Vốn viện trợ không hoàn lại														
Vay lại		Vay lại		Vay lại		Vay lại		Vay lại		Vay lại		Vay lại														
Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số														
Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Tổng số														
	TỔNG SỐ		4.249.606	828.121	10.870	817.251	2.883.719	2.089.057	26.272	768.391	467.581	77.553		77.553		390.028	304.729		85.299	693.100	223.500	166.500	193.600	109.500		
A	SỐ VỐN KHÔNG PHẦN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN																			249.223	223.500		25.723			
B	SỐ VỐN PHẦN BỐ CHO DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025		3.432.290	704.123	10.870	693.253	2.190.401	1.555.420		634.982	463.081	73.053		73.053		390.028	304.729		85.299	304.738		109.276	115.462	80.000		
I	Các hoạt động kinh tế		3.432.290	704.123	10.870	693.253	2.190.401	1.555.420		634.982	463.081	73.053		73.053		390.028	304.729		85.299	304.738		109.276	115.462	80.000		
L1	Lĩnh vực giao thông		241.000	16.000		16.000	225.000	180.000		45.000	169.345	9.000		9.000		160.345	128.276		32.069	9.083		5.271	3.812			
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		241.000	16.000		16.000	225.000	180.000		45.000	169.345	9.000		9.000		160.345	128.276		32.069	9.083		5.271	3.812			
1	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP). - Hợp phần đường do tỉnh quản lý, làm chủ đầu tư.	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017	241.000	16.000		16.000	225.000	180.000		45.000	169.345	9.000		9.000		160.345	128.276		32.069	9.083		5.271	3.812			Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
L2	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		877.013	110.573	10.870	99.703	766.440	656.043		110.397	182.497	27.925		27.925		154.572	131.386		23.186	48.485		37.750	10.735			
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		877.013	110.573	10.870	99.703	766.440	656.043		110.397	182.497	27.925		27.925		154.572	131.386		23.186	48.485		37.750	10.735			
1	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 1590/QĐ-TTg ngày 21/12/2022; 5001/QĐBNN-HTQT ngày 22/12/2022	487.360	25.425		25.425	461.935	392.645		69.290	179.997	25.425		25.425		154.572	131.386		23.186	26.235		22.500	3.735			Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT Thanh Hóa
2	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, vay vốn WB.	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017; 1668/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017; 6346/BNN-KH ngày 16/8/2018; 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	389.653	85.148	10.870	74.278	304.505	263.398		41.107	2.500	2.500		2.500						22.250		15.250	7.000			Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa
L3	Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị		2.314.277	577.550		577.550	1.198.961	719.377		479.585	111.239	36.128		36.128		75.111	45.067		30.044	247.170		66.255	100.915	80.000		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025		2.314.277	577.550		577.550	1.198.961	719.377		479.585	111.239	36.128		36.128		75.111	45.067		30.044	247.170		66.255	100.915	80.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư								Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu tư dự án đến hết năm 2020										Vốn đầu tư từ nguồn quỹ chỉ ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2024				Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Trong đó:								Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài					Trong đó:							
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng							Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Năm 2021	Năm 2022			Năm 2023	Năm 2024
				Tổng số	Trong đó:		Trong đó:					Tổng số	Trong đó:															
					NSTW	Ngân sách tỉnh	Quy đổi ra tiền Việt						NSTW	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vốn viện trợ không hoàn lại	Vay lại								
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vốn viện trợ không hoàn lại					Vay lại																					
Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vốn viện trợ không hoàn lại	Vay lại	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vốn viện trợ không hoàn lại	Vay lại	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024									
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018; 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019; 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2345/QĐ-UBND ngày 01/7/2022; 344/QĐ-TTg ngày 05/4/2023; 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	2.314.277	577.550		577.550	1.198.961	719.377		479.585	111.239	36.128		36.128		75.111	45.067		30.044	247.170		66.255	100.915	80.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa			
C	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHO DỰ ÁN KHÔI CÔNG MŨI GIẢI ĐOẠN 2021-2025		817.316	123.998		123.998	693.318	533.637	26.272	133.409	4.500	4.500		4.500						139.139		57.224	52.415	29.500				
I	Các hoạt động kinh tế		817.316	123.998		123.998	693.318	533.637	26.272	133.409	4.500	4.500		4.500						139.139		57.224	52.415	29.500				
I.1	Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị		817.316	123.998		123.998	693.318	533.637	26.272	133.409	4.500	4.500		4.500						139.139		57.224	52.415	29.500				
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giải đoạn 2021-2025		817.316	123.998		123.998	693.318	533.637	26.272	133.409	4.500	4.500		4.500						139.139		57.224	52.415	29.500				
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thực dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD.	1085/QĐ-TTg ngày 23/8/2019; 3563/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	817.316	123.998		123.998	693.318	533.637	26.272	133.409	4.500	4.500		4.500						139.139		57.224	52.415	29.500	UBND huyện Ngọc Lặc			

Phụ lục II: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRONG NỘI BỘ SỐ VỐN ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN, LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN GIỮA CÁC DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số **2570/QĐ-UBND** ngày **20** tháng **6** năm **2024** của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số Q quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
TỔNG SỐ				7.610.026	4.427.426	1.700.521	1.216.226	2.064.014	1.599.427	1.982.265	429.945	429.945	1.982.265	964.001	86.735	931.529		
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025			4.556.491	3.265.009	1.700.521	1.216.226	2.064.014	1.599.427	1.679.527	429.945		1.249.582	797.210	38.735	413.637		
A.1	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH			1.969.206	1.888.821	675.975	675.975	1.091.095	1.010.710	964.001	166.791		797.210	797.210				
LI	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.969.206	1.888.821	675.975	675.975	1.091.095	1.010.710	964.001	166.791		797.210	797.210				
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt			82.394	67.498	35.000	35.000	47.394	32.498	27.289	3.291		23.998	23.998				
1	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê hữu sông Lèn, đoạn từ đê Cò Đồi, xã Châu Lộc đến cầu Đò Lèn, xã Đông Lộc, huyện Hậu Lộc	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	3185/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	20.348	20.130	10.000	10.000	10.348	10.130	10.789	659		10.130	10.130			UBND huyện Hậu Lộc	
2	Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	Du lịch	3952/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	62.046	47.368	25.000	25.000	37.046	22.368	16.500	2.632		13.868	13.868			UBND thị xã Nghi Sơn	
b	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			1.886.812	1.821.323	640.975	640.975	1.043.701	978.212	936.712	163.500		773.212	773.212				
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn	Giao thông	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; NQ số 492/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019; 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022; NQ số 492/NQ-HĐND ngày 14/3/2024	1.484.970	1.484.970	615.975	615.975	666.859	666.859	625.359	58.500		566.859	566.859			Sở Giao thông Vận tải; UBND thành phố Thanh Hóa; UBND huyện Triệu Sơn; UBND huyện Đông Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thị xã Bim Sơn	Giao thông	2733/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	84.964	59.475	10.000	10.000	74.964	49.475	49.475	5.000		44.475	44.475			UBND thị xã Bim Sơn	
3	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi đò thị Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân	Giao thông	4528/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	316.878	276.878	15.000	15.000	301.878	261.878	261.878	100.000		161.878	161.878			UBND huyện Thọ Xuân	
A.2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT			335.547	226.718	82.000	82.000	253.547	144.718	86.735	48.000		38.735		38.735			
LI	Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh									6.000	6.000							

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
L.2	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			335.547	226.718	82.000	82.000	253.547	144.718	80.735	42.000		38.735		38.735			
a	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			335.547	226.718	82.000	82.000	253.547	144.718	80.735	42.000		38.735		38.735			
1	Xây dựng khu điều trị Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc.	Y tế, dân số và gia đình	4215/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	127.624	90.735	33.000	33.000	94.624	57.735	41.000	25.765		15.235		15.235		Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc	
2	Xây dựng Khu điều trị nội trú Bệnh viện Phụ Sản Thanh Hóa.	Y tế, dân số và gia đình	3383/QĐ-UBND ngày 22/9/2023, 4154/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	92.950	55.483	21.000	21.000	71.950	34.483	27.000	14.000		13.000		13.000		Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
3	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn.	Y tế, dân số và gia đình	3129/QĐ-UBND ngày 05/8/2020; 1621/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	114.973	80.500	28.000	28.000	86.973	52.500	12.735	2.235		10.500		10.500		UBND huyện Triệu Sơn	
A.3	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC			2.251.738	1.149.470	942.546	458.251	719.372	443.999	628.791	215.154		413.637		413.637			
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			1.664.138	904.470	942.546	458.251	719.372	443.999	429.791	126.654		303.137		303.137			
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt			1.151.659	570.811	702.217	338.826	447.222	229.765	256.791	32.423		224.368		224.368			
1	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 515B (ĐT.515B) Thiệu Lý - Đông Hoàng.	Giao thông	4152/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	37.997	37.997	17.700	17.700	20.297	20.297	20.305	2.105		18.200		18.200		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
2	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Bù, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	Giao thông	4213/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	21.750	21.750	15.000	15.000	6.750	6.750	6.999	249		6.750		6.750		UBND huyện Lang Chánh	
3	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi Cầu Nhôm, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn.	Giao thông	3675/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	139.478	133.058	105.268	105.268	34.210	27.790	29.722	1.932		27.790		27.790		UBND huyện Triệu Sơn	
4	Đường giao thông cầu Kè - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	Giao thông	2165/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	213.648	76.354	184.178	72.999	29.470	3.355	9.319	5.964		3.355		3.355		UBND huyện Thọ Xuân	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc.	Giao thông	2949/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	80.398	76.217	27.100	27.100	53.298	49.117	52.889	3.572		49.317		49.317		UBND huyện Hậu Lộc	
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đông Lương, huyện Lang Chánh.	Giao thông	2190/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	63.532	63.532	22.100	22.100	41.432	41.432	41.900	268		41.632		41.632		UBND huyện Ngọc Lặc	
7	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	Giao thông	4107/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	24.963	23.639	17.300	17.300	7.663	6.339	6.572	233		6.339		6.339		UBND huyện Thọ Xuân	
8	Đường từ QL1A vào khu du lịch nghỉ mát Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Du lịch	4506/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	89.039	47.823	77.112	40.000	11.927	7.823	20.000	12.000		8.000		8.000		UBND thị xã Nghi Sơn	
9	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hóa.	Cấp nước, thoát nước	1481/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	15.055	11.089	12.360	8.460	2.695	2.629	2.629	934		1.695		1.695		UBND huyện Quan Hóa	

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Q quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	Đường giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	Giao thông	1651/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	12.046	7.786	2.700		9.346	7.786	8.600	814		7.786			7.786	UBND huyện Như Xuân	
11	Cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hoá.	Công nghiệp	723/QĐ-UBND ngày 15/2/2024	400.506	47.319	192.899	12.899	205.387	32.200	33.314	1.114		32.200			32.200	Sở Công Thương Thanh Hóa	
12	Đường giao thông liên xã từ Hang Bò, xã Cẩm Giang đi suối Cỏ Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	Giao thông	1644/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	13.542	4.542	9.000		4.542	4.542	4.542	3.100		1.442			1.442	UBND huyện Cẩm Thủy	
13	Xây dựng cầu Trung Thành, khắc phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại, hư hỏng do mưa lũ gây ra từ ngày 28 đến ngày 31/8/2018, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.	Giao thông	5061/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	39.705	19.705	19.500		20.205	19.705	20.000	138		19.862			19.862	UBND huyện Quan Hóa	
b	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			512.479	333.659	240.329	119.425	272.150	214.234	173.000	94.231		78.769			78.769		
1	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	Giao thông	3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017; 1505/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	188.179	121.200	71.263	62.200	116.916	59.000	59.000	10.000		49.000			49.000	UBND huyện Quảng Xương	
2	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	Khu công nghiệp và khu kinh tế	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	169.066	57.225	155.234	155.234	114.000	84.231		29.769			29.769	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	
L2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			587.600	245.000					199.000	88.500		110.500			110.500		
1	Các dự án thuộc lĩnh vực y tế được phân bổ tại Nghị quyết số 363/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh																	
-	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân.	Y tế, dân số và gia đình	374/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; 402/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; 1028/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	98.200	2.000					10.000	8.000		2.000			2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	
-	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn.	Y tế, dân số và gia đình	375/NQ-HĐND ngày 24/3/2023; 401/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; 381/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	108.000	8.000					20.000	12.000		8.000			8.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
-	Số vốn chưa phân bổ chi tiết	Y tế, dân số và gia đình								20.000	20.000							
2	Đường giao thông từ thị trấn Thường Xuân đi xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân.	Giao thông	137/NQ-HĐND ngày 11/10/2021	117.000	80.000					24.000	23.500		500			500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Tuyên đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	Giao thông	1015/QĐ-UBND ngày 22/3/2022; 2448/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	256.400	150.000					120.000	20.000		100.000			100.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	
4	Trụ sở làm việc MTTQ và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Bá Thước.	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	3661/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	8.000	5.000					5.000	5.000						Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
B	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025			3.053.535	1.162.418					302.738		429.945	732.683	166.791	48.000	517.892		
B. 1	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH			1.025.316	276.279					60.582		166.791	227.373	166.791		60.582		
1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.025.316	276.279					60.582		166.791	227.373	166.791		60.582		
a	Dự án đã hoàn thành			146.972	60.000					40.000		20.000	60.000	20.000		40.000		
1	Tuyên giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.	Giao thông	1166/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	146.972	60.000					40.000		20.000	60.000	20.000		40.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa; UBND huyện Thiệu Hóa	
b	Dự án đang triển khai thực hiện			878.344	216.279					20.582		146.791	167.373	146.791		20.582		
2	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Mường Lát - Đồn biên phòng 483 - Mốc G3, huyện Mường Lát (giai đoạn 2).	Quốc phòng	1185/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	98.997	28.997					500		13.999	14.499	13.999		500	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa; UBND huyện Mường Lát	
3	Đường giao thông nối Quốc lộ 45, xã Định Liên với Quốc lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định.	Giao thông	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	227.394	42.282					19.082		6.287	25.369	6.287		19.082	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định, UBND huyện Yên Định	
4	Đường nối Tỉnh lộ 515C và đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn từ xã Thọ Tân đi xã Hợp Lý - Xuân Thọ - Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn.	Giao thông	1863/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	150.000	20.000					500		11.000	11.500	11.000		500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn; UBND huyện Triệu Sơn	

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Q quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tô Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, điểm cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân).	Giao thông	1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	202.000	20.000					500		10.505	11.005	10.505		500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân; UBND các huyện: Thọ Xuân, Thường Xuân	
6	Đầu tư xây dựng các trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa năm 2024 (giai đoạn 1)	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		199.953	105.000							105.000	105.000	105.000			Công an tỉnh	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hồ sơ, thủ tục đầu tư của dự án, xây dựng phương án phân bổ chi tiết báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định theo quy định
B. 2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT			638.723	58.000							48.000	48.000		48.000			
L1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			638.723	58.000							48.000	48.000		48.000			
*	Dự án hoàn thành sau năm 2025																	
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa.	Y tế, dân số và gia đình	468/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	200.837	20.000							16.600	16.600		16.600		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	
2	Khu điều trị số 1, Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thanh Hóa.	Y tế, dân số và gia đình	464/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	279.886	18.000							14.800	14.800		14.800		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	
3	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	Y tế, dân số và gia đình	467/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	158.000	20.000							16.600	16.600		16.600		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
B. 3	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC			1.389.496	828.139					242.156		215.154	457.310			457.310		
L1	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.389.496	828.139					242.156		215.154	457.310			457.310		
a	Dự án đã hoàn thành cơ quyết toán được duyệt			69.443	69.443					49.000		443	49.443			49.443		
1	Xây dựng hoàn thành cầu Bến Kẹm, huyện Bá Thước.	Giao thông	532/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	69.443	69.443					49.000		443	49.443			49.443	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; UBND huyện Bá Thước	
b	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt			137.999	27.999					500		2.499	2.999			2.999		

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 506B đoạn thị trấn Lam Sơn đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Giao thông	353/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	137.999	27.999					500		2.499	2.999			2.999	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; UBND huyện Thọ Xuân	
<i>c</i>	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>			<i>1.182.053</i>	<i>730.696</i>					<i>192.656</i>		<i>212.212</i>	<i>404.868</i>			<i>404.868</i>		
<i>c.1</i>	<i>Các dự án đã được cấp cơ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư từ số vốn của các dự án dừng thực hiện; dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2022-2025.</i>			<i>254.090</i>	<i>104.733</i>							<i>44.090</i>	<i>44.090</i>			<i>44.090</i>		
1	Trụ sở Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Bá Thước	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	462/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	35.000	23.243							18.600	18.600			18.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
2	Đường nối tiếp cầu Tô Rồng đi xã Ngọc Phụng giao với Quốc lộ 47, huyện Thường Xuân	Giao thông	461/NQ-HĐND ngày 14/12/2023	199.100	79.500							23.500	23.500			23.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	
3	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát	Y tế, dân số và gia đình	3334/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	19.990	1.990							1.990	1.990			1.990	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
<i>c.2</i>	<i>Các dự án thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 nhưng mới bố trí kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đảm bảo 30%-50% hạn mức ngân sách tỉnh đầu tư, tiến độ thực hiện nhanh, đã bố trí vốn đối ứng ngân sách cấp huyện</i>			<i>927.963</i>	<i>625.963</i>					<i>192.656</i>		<i>168.122</i>	<i>360.778</i>			<i>360.778</i>		
1	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	Giao thông	1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; 1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	57.000	45.000					24.356		20.644	45.000			45.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy, UBND huyện Cẩm Thủy	
2	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	Giao thông	1288/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; 1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	70.000	63.000					12.600		22.000	34.600			34.600	UBND huyện Bá Thước, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	

Số TT	Danh mục dự án/Nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán, dự kiến TMDT)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh									Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	130.000	72.000					21.600		17.478	39.078			39.078	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
4	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Giao thông	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	167.000	85.000					25.500		21.000	46.500			46.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc, UBND huyện Ngọc Lặc	
5	Tuyến đường giao thông từ bản Giảng xã Tri Nang đi thôn Bang, Giảng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15	Giao thông	3105/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	108.963	108.963					33.000		26.000	59.000			59.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh; UBND huyện Lang Chánh	
6	Đường giao thông từ cầu Thăng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Giao thông	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	220.000	144.000					43.200		35.000	78.200			78.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương; UBND huyện Quảng Xương	
7	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương	Giao thông	2861/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	175.000	108.000					32.400		26.000	58.400			58.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương; UBND huyện Quảng Xương	

**Phụ lục III: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH QUYẾT ĐỊNH NHƯNG KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Q quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý đã phê duyệt	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản lý sau điều chỉnh			Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Số Q quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm (-)			Điều chỉnh tăng (+)			Tổng số	Trong đó				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh						Tổng số vốn điều chỉnh giảm (-)	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Tổng số vốn điều chỉnh tăng (+)	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Tổng số			Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước
TỔNG SỐ			3.485.845	1.071.845	347.500	4.500	3.025.161	954.161	837.629	200.000	100.000	100.000	200.000	100.000	100.000	837.629	737.629	100.000				
I	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		3.485.845	1.071.845	347.500	4.500	3.025.161	954.161	837.629	200.000	100.000	100.000	200.000	100.000	100.000	837.629	737.629	100.000				
1	Đầu tư xây dựng Tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoằng Hóa - Sầm Sơn và đoạn Quảng Xương - Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), hợp đồng BOT, tỉnh Thanh Hóa.	Giao thông	5351/QĐ-UBND ngày 16/12/2020	3.372.661	958.661	347.500	4.500	3.025.161	954.161	737.629	100.000	100.000		100.000		100.000	737.629	637.629	100.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, Nghi Sơn		
2	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	1317/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	113.184	113.184					100.000	100.000		100.000	100.000		100.000	100.000		Công an tỉnh Thanh Hóa			